

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20/8/2024.

*V/v Tranh chấp về hôn nhân gia
đình và nuôi con chung.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Vĩnh Mai và ông Hoàng Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Ông Trần Tổ Lâm - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại Hội trường B - Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 177/2024/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2024, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 104/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25/7/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Hồng D, sinh năm: 1979; Địa chỉ: 61/12 đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1970; Địa chỉ: 61/12 đường N, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn bà Phạm Hồng D trình bày: Bà D và ông Nguyễn Hoàng D tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 23/01/1999, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyển số 01.

Quá trình chung sống, vợ chồng bà hạnh phúc một thời gian đầu nhưng những năm gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D không quan tâm, chăm sóc vợ con, không đóng góp nuôi con. Bà D đã cố gắng rất

nhieu nhưng ông D không thay đổi. Nay bà D nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, cả hai đều không còn tình cảm, vì vậy bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Về con chung: Vợ chồng bà có 02 con chung Nguyễn Hải D, sinh ngày 09/4/2000 và Nguyễn Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011. Con chung là Nguyễn Hải D đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Ánh D đến khi đủ tuổi thành niên. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện nay bà D đang làm công việc buôn bán, thu nhập khoảng 10.000.000 đồng/tháng. Ông D đang đi làm tại công ty H, thu nhập khoảng 18.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập bị đơn ông Nguyễn Hoàng D để hòa giải theo quy định nhưng ông D đều vắng mặt không có lý do nên không hòa giải được.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu như sau:

-*Về tố tụng:* Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa HĐXX đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

-*Về nội dung:* Căn cứ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Hồng D là có căn cứ vì vậy đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho bà Phạm Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011 cho bà Phạm Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 09/4/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn bà Phạm Hồng D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp*: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Phạm Hồng D, Tòa án nhân dân thành phố B xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà Phạm Hồng D có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Hoàng D mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn ông D đều vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D và ông D.

[3] *Về nội dung vụ án*: Căn cứ vào lời trình bày của bà D, kết quả xác minh tại chính quyền địa phương và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định:

Về quan hệ hôn nhân: Bà D và ông D tự nguyện lấy nhau có đăng ký kết hôn ngày 23/01/1999, theo giấy chứng nhận kết hôn số 09, quyền số 01 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo quy định của pháp luật. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Về tình trạng hôn nhân của bà D, ông D thì bà D cho rằng trong quá trình chung vợ chồng bà hạnh phúc một thời gian đầu nhưng những năm gần đây thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông D không quan tâm, chăm sóc vợ con, không đóng góp nuôi con. Bà D đã cố gắng rất nhiều nhưng ông D không thay đổi được. Nay bà D xét thấy không còn cơ hội hàn gắn gia đình nên bà D xin được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà D và ông D xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà D xin ly hôn ông D là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Bà D và ông D có 02 con chung cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 09/4/2000 và cháu Nguyễn Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011.

Đối với cháu Nguyễn Hải D đã trưởng thành nên bà D không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với cháu Nguyễn Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011. Quá trình giải quyết vụ án ông D đều vắng mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến và nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện nay cháu Ánh D đang ở với bà D, bà D có nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Ánh D

đến khi đủ tuổi thành niên, cháu Ánh D cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét nguyện vọng của bà D và cháu Ánh D và các điều kiện về việc nuôi dưỡng con chung của bà D nên xét thấy cần giao con chung cháu Ánh D cho bà D nuôi dưỡng chăm sóc là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[4] Về án phí: Bà D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 203, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Hồng D. Bà Phạm Hồng D được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng D.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phạm Ánh D, sinh ngày 08/10/2011 cho bà Phạm Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với cháu Nguyễn Hải D, sinh ngày 09/4/2000 đã trưởng thành nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Ông Nguyễn Hoàng D được quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Hồng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Hồng D phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA/2023/0005341 ngày 20/02/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ông Nguyễn Hoàng D không phải chịu tiền án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV&THATAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thị Thanh

